

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 73, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2022/TLST - VDS ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

- Chị Dương Thị L, sinh năm: 1995
- Anh Phan Văn Tr, sinh năm: 1993

Đều có địa chỉ: Thôn TX2, xã CX, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phan Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2014
- Cháu Phan Minh H, sinh ngày 28/4/2016

Đại diện theo pháp luật của cháu Th và cháu H: Anh Phan Văn Tr, sinh năm: 1993.

Đều có địa chỉ: Thôn TX2, xã CX, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về thẩm quyền: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CX, huyện MH (nay là thị xã MH), tỉnh Hưng Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L và anh Tr làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã MH công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của đương sự giữa anh, chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã MH thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất trong cách làm ăn và có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn đối với anh chị theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr có 02 con chung là cháu Phan Thị Thanh Th sinh ngày 20/01/2014 và cháu Phan Minh H sinh ngày 28/4/2016. Anh chị đã thỏa thuận thống nhất, giao anh Tr chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th và cháu H đến khi cháu Th và cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị thỏa thuận thống nhất, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tr 2.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu từ ngày 01/10/2022 cho đến khi cháu Th và cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện nên được Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr không yêu cầu Toà án giải quyết; thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr có 02 con chung là cháu Phan Thị Thanh Th sinh ngày 20/01/2014 và cháu Phan Minh H sinh ngày 28/4/2016. Anh chị đã thỏa thuận thống nhất, giao anh Tr chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th và cháu H đến khi cháu Th và cháu H thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tr, chị L thỏa thuận thống nhất, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tr 2.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu từ ngày 01/10/2022 cho đến khi cháu Th và cháu H thành niên (đủ 18 tuổi)

Vì lợi ích của con chung, anh Tr, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị L có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Kể từ ngày anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, nếu chị L không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải

chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Chị Dương Thị L và anh Phan Văn Tr tự nguyện thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Dương Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm việc dân sự. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0013142 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH, tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- UBND xã CX;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh